TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 28/2023/DS-PT Ngày 14/3/2023 V/v "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé.
Các Thẩm phán: Bà Mai Vương Thảo.
Ông Vũ Việt Dũng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngân- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng:*** Ông Lê Anh Pha - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 133/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 12 năm 2022 về *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 101/2022/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 31/2023/QĐ-PT ngày 14/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Thế V. Sinh năm 1964 và bà Huỳnh Thị E. Sinh năm 1965; Cùng địa chỉ: Phòng 201, Khu A Nam Cầu Cẩm Lệ, tổ 12, thôn C, xã H, huyện H, thành phố Đ. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị Kim C. Sinh năm 1974; Địa chỉ: 361 đường H, phường T, quận T, thành phố Đ. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Đỗ Tường V. Sinh năm 1997; Địa chỉ: 16 đường V, quận T, thành phố Đ. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Đỗ Thị Kim C là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn ông Đỗ Thế V và bà Huỳnh Thị E trình bày:* Bà Nguyễn Đỗ Tường V (con gái của bà Đỗ Thị Kim C) là người đứng tên dùm nhà và đất của vợ chồng ông bà tại tổ 27 phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Trong khoản tiền 500.000.000 đồng vay tại Ngân hàng Kiên Long, thì vợ chồng ông bà có đưa nhà cho bà Nguyễn Đỗ Tường V đứng tên để vay tiền tại Ngân hàng Kiên Long. Ngày 29/10/2021, vợ chồng ông bà đã tất toán toàn bộ khoản vay của bà Nguyễn Đỗ Tường V tại Ngân hàng Kiên Long tổng số tiền là 630.301.972 đồng, trong đó số tiền gốc của ông bà vay tại Ngân hàng Phương Đông là 113.000.000 đồng, tiền lãi của số tiền 113.000.000 đồng kể từ tháng 03/2019 đến tháng 10/2021 là 32 tháng x 1.000.000 đồng là 32.000.000 đồng. Năm 2013, ông bà có mượn 50.000.000 đồng gồm 2 khoản là trả trực tiếp cho Ngân hàng OCB và tiền mặt 2 lần. Tháng 02/2019, ông bà mượn của bà C 50.000.000 đồng để ông V nhập viện mổ tim, tiền lãi của số tiền 50.000.000 đồng là 32 tháng x 500.000 đồng là 16.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền nợ của ông bà là 261.000.000 đồng, vợ chồng đã trả nợ cho Ngân hàng cho khoản vay của bà V là 630.301.972 đồng. Vì vậy, bà C còn thiếu của ông bà là 630.301.972 đồng – 261.000.000 đồng = 369.301.972 đồng. Ngày 09/7/2020, bà Nguyễn Đỗ Tường V tất toán khoản vay 490.000.000 đồng, ngày 10/7/2020 đã vay lại 590.000.000 đồng. Sự việc này vợ chồng không biết. Vợ chồng ông bà sau khi tất toán khoản vay 630.301.972 đồng, ông bà nghĩ khoản tiền chênh lệch là tiền lãi. Nay ông bà đồng ý trừ lại số tiền 3.600.000 đồng đã tất toán cho thẻ tín dụng của bà Nguyễn Đỗ Tường V và đồng ý trả thêm 19.000.000 đồng tiền lãi đối với khoản tiền mượn 50.000.000 đồng của bà C. Do vậy, ông bà yêu cầu bà Đỗ Thị Kim C phải trả cho vợ chồng số tiền (630.301.972 đồng - 3.600.000 đồng - 113.000.000 đồng - 32.000.000 đồng -50.000.000 đồng -19.000.000 đồng - 50.000.000 đồng - 16.000.000 đồng) là 346.701.972 đồng.

- *Bị đơn bà Đỗ Thị Kim C trình bày:* Bà xác nhận có nợ tiền ông V, bà E nhưng trong số tiền 500.000.000 đồng, bà viết giấy mượn tiền vào ngày 04/3/2019 là số tiền ông V và bà E thế chấp ngôi nhà tại tổ 27, phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng để vay số tiền 500.000.000 đồng tại Ngân hàng Kiên Long. Khoản tiền vay 500.000.000 đồng này, bà chỉ nhận 385.000.000 đồng còn ông V và bà E nhận 115.000.000 đồng. Bà chịu lãi đối với khoản tiền vay từ tháng 03/2019 đến tháng 10/2021 là 32 tháng: 123.000.000 đồng.Vào năm 2013, bà đưa cho ông V, bà E số tiền mặt là 25.000.000 đồng và đóng 12 tháng tiền lãi 25.000.000 đồng tại Ngân hàng OCB. Bà yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền này là 54.000.000 đồng (108 tháng). Vào năm 2019, ông V, bà E có mượn của bà 50.000.000 đồng để nộp viện phí cho ông V mổ tim. Tính lãi đối với khoản tiền này bà thống nhất 16.000.000 đồng. Ngoài ra con trai bà E mượn bà 5.000.000 đồng và

1 chỉ vàng tương đương 5.000.000 đồng. Đối với số tiền 100.000.000 đồng là khoản tiền chênh lệch vay, bà là người nhận tiền đối với khoản vay này nhưng bà đã dùng số tiền này để trả tiền lãi cho Ngân hàng. Nay bà đồng ý tính tiền lãi đối với 2 khoản tiền mà ông V, bà E đã mượn bà là 35.000.000 đồng và bà không đồng ý với số tiền lãi 123.000.000 đồng mà ông V, bà E tính đối với số tiền 385.000.000 đồng. Vậy bà còn nợ bà E số tiền (385.000.000 đồng – 50.000.000 đồng – 50.000.000 đồng – 35.000.000 đồng) = 250.000.000 đồng.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Đỗ Tường V:* Bà V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để lấy lời khai và tham gia hòa giải nhưng bà V vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 101/2022/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định: Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 63, 147, 179, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* giữa ông Đỗ Thế V, bà Huỳnh Thị E đối với bà Đỗ Thị Kim C.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố về việc *"Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"* của bà Đỗ Thị Kim C đối với ông Đỗ Thế V và bà Huỳnh Thị E.

3. Buộc bà Đỗ Thị Kim C phải trả cho ông Đỗ Thế V và bà Huỳnh Thị E số tiền 346.701.972 đồng *(Ba trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm lẻ một ngàn chín trăm bảy mươi hai đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí và chi phí tố tụng khác:

Án phí Dân sự sơ thẩm: 24.085.099 đồng, bà Đỗ Thị Kim C phải chịu. (Quyết định sửa chữa, bổ sung Bản án sơ thẩm số: 101/2022/QĐ-SCBSBA ngày 03/10/2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu là: 17.335.099 đồng, bà Đỗ Thị Kim C phải chịu).

Án phí Dân sự sơ thẩm: 3.750.000 đồng *(Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng),* ông Đỗ Thế V và bà Huỳnh Thị E phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 6.250.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0000527 ngày 01/12/2021. Ông Đỗ Thế V và bà Huỳnh Thị E được nhận lại số tiền chênh lệch 2.500.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/10/2022, bà Đỗ Thị Kim C có đơn kháng cáo theo hướng sửa bản án sơ thẩm với nội dung: Bản án sơ thẩm xét xử buộc bà phải trả nợ cho ông V, bà E số tiền 345.000.000 đồng và án phí 24.000.000 đồng là không khách quan vì ông V, bà E đã nhận số tiền 113.000.000 đồng trong số 500.000.000 đồng nợ Ngân hàng, bản án chưa trừ cho bà số tiền 135.000.000 đồng gồm: 50.000.000 đồng chi phí lo mổ tim cho ông V + 2 khoản tiền mặt Ngân hàng OCB là 85.000.000 đồng) cùng số lãi 32.000.000 đồng của 4 năm lãi và 30.000.000 đồng tiền thuốc cho ông V mổ tim. Tổng cộng số tiền ông V, bà E phải trừ lại cho bà là 135.000.000 đồng + 32.000.000 đồng + 30.000.000 đồng + 115.000.000 đồng = 310.000.000 đồng. Vì vậy, bà chỉ còn nợ là 190.000.000 đồng. Bà còn xin miễn giảm tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau: Ngoài số tiền 135.000.000 đồng được Tòa sơ cấp chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đỗ Thị Kim C, tại phiên tòa phúc thẩm, ông V và bà E còn thống nhất bù trừ nghĩa vụ cho bà C với số tiền là: 46.701.972 đồng. Tổng cộng: 181.701.972 đồng. Như vậy, bà Đỗ Thị Kim C phải có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Thế V và bà Huỳnh Thị E số tiền: 481.701.972 đồng – 181.701.972 đồng = 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng).*

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Kim C phải chịu: 7.500.000 đồng (được xét giảm 50%); ông Đỗ Thế V và bà Huỳnh Thị E phải chịu: 4.542.549 đồng (được xét giảm 50%), chia phần mỗi người chịu 2.271.274 đồng.

[2] Xét sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự.

[3] Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm, nên người kháng cáo là bà Đỗ Thị Kim C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định tại Khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300, Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 101/2022/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng về việc *''Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản''* như sau:

Bà Đỗ Thị Kim C phải có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Thế V và bà Huỳnh Thị E số tiền: 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí DSST: Bà Đỗ Thị Kim C phải chịu: 7.500.000 đồng; ông Đỗ Thế V và bà Huỳnh Thị E phải chịu: 4.542.549 đồng, chia phần mỗi người chịu 2.271.274 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.250.000 đồng *(Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)* theo biên lai thu số 000527 ngày 01/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Hoàn trả lại cho ông V, bà E 1.707.451 đồng.

3. Án phí DSPT: Bà Đỗ Thị Kim C phải chịu: 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006787 ngày 31/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân quận Hải Châu;
- Chi cục THA dân sự quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bé